

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2026/DS-ST

Ngày: 14-4-2026

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc .

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Thương
- Bà Trần Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh An, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (trước là ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

- Bị đơn: Chị **Ngô Thị Kim T1**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp (trước là ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

(bà T có mặt; chị T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện, B tự khai cùng ngày 12 tháng 8 năm 2025, quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày như sau: Ngày 20/3/2025, bà có cho chị Ngô Thị Kim T1 vay số tiền 200.000.000đồng, không lãi suất, thời hạn trả tiền vay hai bên thỏa thuận miệng là 01 tháng, chị T1

có làm Giấy xác nhận nợ cùng ngày. Đến hạn, bà yêu cầu chị T1 trả tiền nhưng chị T1 tìm cách né tránh không trả. Sau đó, chị nhiều lần yêu cầu chị T1 trả nợ nhưng chị T1 cũng không trả. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu chị T1 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ là 200.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi chậm trả, yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đối với bị đơn chị Ngô Thị Kim T1: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Ngô Thị Kim T1 đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày như sau: Ngày 20/3/2025, bà Trần Thị T có cho chị Ngô Thị Kim T1 vay số tiền 200.000.000đồng, không lãi suất, thời hạn trả tiền vay hai bên thỏa thuận miệng là 01 tháng, chị T1 có làm Giấy xác nhận nợ cùng ngày. Đến hạn, bà T yêu cầu chị T1 trả tiền nhưng chị T1 tìm cách né tránh không trả tiền cho bà T. Đồng thời, bị đơn đã được thông báo các văn bản tố tụng, đã được nhận bản sao các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và triệu tập họp lệ nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với lời trình bày của nguyên đơn. Lời trình bày của đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định giao dịch giữa bà T và chị T1 là hợp đồng vay tài sản và chị T1 còn nợ bà T số tiền vay là 200.000.000đồng.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng thỏa thuận. Do đó, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại các Điều 466 và 469 của Bộ

luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi trong hạn, tiền lãi chậm trả do bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử và vấn đề bồi thường thiệt hại, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận bị đơn không phải trả các khoản lãi này.

[2.4] Về tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Các đương sự thỏa thuận vay không lãi suất nên lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chị T1 có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Buộc bị đơn chị Ngô Thị Kim T1 phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị T số tiền là 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Trần Thị T có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chị Ngô Thị Kim T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

Bị đơn chị Ngô Thị Kim T1 phải chịu 10.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Thị T được miễn tạm ứng án phí nên không hoàn tiền tạm ứng án phí.

3/ Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSNDKV3-ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc